TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 745/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 82/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cà H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 103, đường Đ, Tổ 17, Khu 4, phường P, thành phố T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 103, đường Đ, Tổ 17, Khu 4, phường P, thành phố T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cà H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cà H và ông Nguyễn Văn B kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2007, quyển số 01 ngày 29/8/2007. Hôn nhân của bà H và ông B hoàn toàn tự nguyện.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông B rượu chè, cờ bạc, không chăm lo làm ăn, không quan tâm yêu thương bà H như thời gian mới kết hôn, thường xuyên nhậu say, chửi, đuổi bà H và các con. Bà H đã nhiều lần cho cơ hội nhưng ông B vẫn không thay đổi. Bà H và ông B đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2001 và Nguyễn Ngọc Tâm N, sinh ngày 09/3/2011, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện: Bà H đã nộp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà H (bản chứng thực); giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông B (bản chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chứng thực); giấy khai sinh cháu Nguyễn Chí T (bản chứng thực); giấy khai sinh cháu Nguyễn Ngọc Tâm N (bản chứng thực);

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hoà giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do.

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với đương sự: Do bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị gì khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cà H là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Cà H và ông Nguyễn Văn B kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 80/2007, quyển số 01 ngày 29/8/2007, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Theo bà Nguyễn Thị Cà H khai: Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông B không chăm lo làm ăn, không quan tâm yêu thương bà H như thời gian mới kết hôn, thường xuyên uống bia, rượu say và chửi, đuổi bà H cùng các con. Bà H đã nhiều lần nhắc nhở, cho cơ hội nhưng ông B vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, để đạt được mục đích này, vợ chồng phải chung thủy, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ

cho nhau về mọi mặt. Mặc dù trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, xung đột nhưng vợ chồng phải tìm cách giải quyết để hàn gắn tình cảm gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông B đến Tòa làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông B không đến và không có ý kiến nào, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn gia đình. Bản thân bà H xác định không còn tình cảm với ông B, vợ chồng không thể hàn gắn được nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Qua xác minh, việc mâu thuẫn giữa bà H và ông B cũng được chính quyền địa phương xác nhận địa phương nhiều lần nhận được trình báo của bà H về việc ông B thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không chăm lo, quan tâm gì đến vợ con. Do đó, có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông B nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở.

[2.3] Về con chung: Bà H và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2001 và Nguyễn Ngọc Tâm N, sinh ngày 09/3/2011, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy: qua làm việc cháu T và cháu N có nguyện vọng sống cùng bà H và hiện nay cháu T, cháu N do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu T và cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

- Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Chí T và cháu Nguyễn Ngọc Tâm N, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cà H đối với ông Nguyễn Văn B về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

1/ Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Cà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 80/2007, quyển số 01 ngày 29/8/2007 do UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Cà H và ông Nguyễn Văn B không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 25/7/2001 và Nguyễn Ngọc Tâm N, sinh ngày 09/3/2011 cho bà Nguyễn Thị Cà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông B lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Chí T và cháu Nguyễn Ngọc Tâm N, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cà H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022661 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh B.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục T.H.A.DS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh